

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 137/2024/DS-PT

Ngày: 21/11/2024.

V/v: “Tranh chấp về thừa kế
tài sản là quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Thẩm phán: Ông Đào Anh Đức

Ông Vũ Đại Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh T - Kiểm sát viên.

Ngày 21/11/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2024/DSPT ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc khởi kiện: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2024/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang T1, sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: thôn Trung Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Ông Lê Quang B, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Bà Cao Thị H, sinh năm 1959

Địa chỉ: thôn N, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2024). Có mặt

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Quang N, sinh năm 1973

- Bà Lê Thị T2, sinh năm 1974

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Lê Quang T1, sinh năm 1988

- Chị Lê Thị Thanh T3, sinh năm 1991

- Chị Lê Thị Hồng T4, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: B L, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị L, anh Lê Quang T1 (sinh năm 1988), chị Lê Thị Thanh T3 và chị Lê Thị Hồng T4: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1963. Có mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1968. Vắng mặt(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: TDP Y, phường B, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị N1, sinh năm 1989. Vắng mặt(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Lê Quang B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn trình bày:*

Bố ông là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997, mẹ ông là cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 cùng người vợ đầu tên là S (vợ chồng đã ly hôn) sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4; năm 2011 ông T6 kết hôn với bà Nguyễn Thị C, ông T6 và bà C không có con chung.

Di sản cụ T5 và cụ N2 để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiên .

Khi chết bố, mẹ ông không để lại di chúc, thừa đất trên ông và ông con cả là Lê Quang B quản lý và cho chị Nguyễn Thị N1 thuê làm khu vui chơi cho trẻ em, tiền thuê chia đều cho anh em cùng hưởng, các anh em yêu cầu chia thừa kế nhưng ông Lê Quang B không đồng ý. Nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N cho 06 đồng thừa kế, ông nhận đất và hoàn lại giá trị cho các thừa kế khác.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Quang B trình bày:* Bố ông là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 có vợ là cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiê n .

Khi chết bố, mẹ ông không để lại di chúc, khi mẹ ông còn sống trên đất có ngôi nhà đến năm 2020 do đột nát, nên ông đã dỡ đi để làm lại nơi thờ cúng bố mẹ, nhưng chưa làm được phải dừng lại, nay ông Lê Quang T1 yêu cầu chia thừa kế ông không đồng ý với lý do ông muốn để lại làm nhà thờ, thừa đất trên cho chị Nguyễn Thị N1 thuê là khu vui chơi cho trẻ em, tiền thuê chia đều cho anh em cùng hưởng.

*** Tại bản tự khai ông Lê Quang N trình bày:**

Bố ông là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 có vợ là cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiê n .

Khi bố mẹ ông mất không để lại di chúc, anh em ông đã yêu cầu chia thừa kế nhưng ông B không đồng ý, do đó ông yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên cho 06 người con, ông yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần di sản ông được hưởng ông nhường lại cho anh trai là ông Lê Quang T1. Do ông ở xa nên ông ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện cho ông giải quyết vụ án.

*** Tại bản tự khai bà Lê Thị T2 trình bày:**

Bố bà là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 có vợ là cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiê n .

Khi bố mẹ bà mất không để lại di chúc, anh em đã yêu cầu chia thừa kế nhưng ông B không đồng ý, do đó bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên cho 06 người con, bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần di sản bà được hưởng bà nhường lại cho anh trai là ông Lê Quang T1. Do bà ở xa nên bà ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện cho bà giải quyết vụ án.

*** Tại bản tự khai bà Lê Thị L trình bày:**

Bố bà là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 có vợ là cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiên .

Khi bố mẹ bà mất không để lại di chúc, anh em đã yêu cầu chia thừa kế nhưng ông B không đồng ý, do đó bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên cho 06 người con, bà yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần di sản bà được hưởng bà nhường lại cho anh trai là ông Lê Quang T1. Do bà ở xa nên bà ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện cho bà giải quyết vụ án.

*** Tại bản tự khai anh Lê Quang T1 (con ông Lê Quang T6) trình bày:**

Ông bà nội anh là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 và cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiên .

Khi ông bà anh mất không để lại di chúc, các thừa kế của ông bà anh đã yêu cầu chia thừa kế nhưng ông B không đồng ý, do đó anh yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên cho 06 người con, anh là người thừa kế thế vị của bố anh là ông Lê Quang T6 yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần di sản anh được hưởng anh nhường lại cho chú là ông Lê Quang T1 được nhận toàn bộ phần di sản anh được hưởng. Do anh ở xa nên ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện cho anh giải quyết vụ án.

*** Tại bản tự khai chị Lê Thị Thanh T3 trình bày:**

Ông bà nội chị là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 và cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiên .

Khi ông bà chị mất không để lại di chúc, các thừa kế của ông bà chị đã yêu cầu chia thừa kế nhưng ông B không đồng ý, do đó chị yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên cho 06 người con, chị là người thừa kế thế vị của ông Lê Quang T6 yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần di sản chị được hưởng chị nhường lại cho chú là ông Lê Quang T1 được nhận toàn bộ phần di sản chị được hưởng. Do chị ở xa nên ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện cho chị giải quyết vụ án.

*** Tại bản tự khai chị Lê Thị Hồng T4 trình bày:**

Ông bà nội chị là cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 và cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, hai cụ sinh được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4.

Di sản hai cụ để lại là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị Nghiên .

Khi ông bà chị mất không để lại di chúc, các thừa kế của ông bà chị đã yêu cầu chia thừa kế nhưng ông B không đồng ý, do đó chị yêu cầu Tòa án chia thừa kế thừa đất trên cho 06 người con, chị là người thừa kế thế vị của ông Lê Quang T6 yêu cầu nhận bằng hiện vật, phần di sản chị được hưởng chị nhường lại cho chú là ông Lê Quang T1 được nhận toàn bộ phần di sản chị được hưởng. Do chị ở xa nên ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện cho chị giải quyết vụ án.

*** Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị C trình bày:**

Ông Lê Quang T6 trước đây có vợ là bà S nhưng vợ chồng đã ly hôn, đến năm 2011 ông T6 kết hôn với bà; ông T6 và bà không có con chung, đối với di

sản do bố mẹ ông T6 để lại, nếu bà có được hưởng thì phần của bà, bà tự nguyện giao lại cho ông Lê Quang T1 quản lý, sử dụng.

** Tại bản tự khai chị Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Chị có thuê mảnh đất hiện nay đang tranh chấp chia thừa kế chị thuê từ ông Lê Quang B để làm khu vui chơi cho cơ sở mầm non tư thục do chị quản lý, trên đất chị có xây dựng mái tôn, láng nền, trải cỏ và lắp đặt các thiết bị vui chơi. Nay ông T1 và ông B cùng các anh em trong gia đình chia thừa kế, nếu Tòa án giao tài sản trên cho bất kỳ ai mà họ không tiếp tục cho chị thuê, chị có trách nhiệm tự nguyện tháo dỡ để bàn giao lại đất cho người được Tòa án giao và không có yêu cầu gì.

** Tại phiên tòa sơ thẩm:* Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn ông B không đồng ý chia di sản, ông đề nghị để lại lô đất tái định cư này làm nhà thờ.

Bà Lê Thị H1 trình bày bà là vợ ông Lê Quang T1 và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các hàng thừa kế của cụ T5 và cụ N2. Thực tế di sản thừa kế của cụ T5 và cụ N2 các anh em trong gia đình ngoại trừ ông B đã thống nhất giao cho ông Lê Quang T1 quản lý sử dụng, vì vợ chồng bà đã trả tiền cho các thừa kế của cụ T5 và cụ N2, nên các thừa kế của cụ T5 và cụ N2 mới ủy quyền tham gia tố tụng cho bà và đồng ý giao toàn bộ kỹ phần mà họ được hưởng cho ông Lê Quang T1. Đối với yêu cầu của ông B để lại đất làm nhà thờ, bà đại diện cho các thừa kế không đồng ý vì đây không phải là đất hương hỏa mà là đất tái định cư.

** Bản án sơ thẩm số 08/2024/DSST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa:*

Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 649, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 168, điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang T1:

- Giao cho ông Lê Quang T1 (sinh năm 1963) được quyền sử dụng diện tích 150m² đất ở tại Lô S- A2 mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu

T, thuộc khu K tại xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho bà Trần Thị Nghiê n .

Ông Lê Quang T1 có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Quang T1 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Lê Quang B số tiền là 319.250.000 đồng (*ba trăm mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Về án phí : Ông Lê Quang T1 và ông Lê Quang B là người cao tuổi nên được miễn án phí.

* Ngày 16/8/2024, ông Lê Quang B làm đơn kháng cáo với nội dung:

- Ông không đồng ý giao cho ông T1 quản lý, sử dụng di sản của bố mẹ ông để lại, vì ông T1 và người khác muốn bán để lấy tiền chia nhau. Ông muốn nhận đất để làm nhà thờ.

- Ông là người đóng thuế nhà đất của mẹ ông từ năm 2015 cho đến nay.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm giao toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế cho ông quản lý và sử dụng và ông có trách nhiệm giao tiền lại cho các thừa kế của bố mẹ ông là cụ T5 và cụ N2.

7. Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, nguwoif đại diện theo ủy quyền của ông B vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: **Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lê Quang B, giữ nguyên phần nội dung về chia thừa kế và giao tài sản cho ông Lê Quang T1 quản lý sử dụng, ông T1 có nghĩa vụ chênh lệch lại giá trị 01 kỷ phần thừa kế cho ông Lê Quang B là 319.250.000đ, sửa bản án sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa về phần án phí theo hướng buộc ông N, bà L, bà T2, bà C, anh Lê Quang T1, chị Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4 phải có nghĩa vụ chịu án phí đối với kỷ phần được chia thừa kế của cụ T5 và cụ N3 theo quy định tại điểm a Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Quang T1 khởi kiện ông Lê Quang B về thừa kế tài sản là chia thừa kế tài sản là diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về thừa kế tài sản, đối tượng tranh chấp là bất động sản tại xã N, thị xã N. Theo quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông B có đơn kháng cáo trong hạn, các đương sự không thỏa thuận, hòa giải được với nhau nội dung tranh chấp, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện, các đương sự giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo, nên vụ án được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của đương sự ông Lê Quang B:

[2.1] Về thời hiệu thừa kế: Cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 có vợ là cụ Trần Thị N2 chết năm 2017, nên cấp sơ thẩm căn cứ vào khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự xác định thời hiệu chia di sản thừa kế là bất động sản vẫn còn là đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về nguồn gốc đất, hàng thừa kế:

Nguồn gốc diện tích 150m² đất ở tại Lô S mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, thị xã N, đất được cấp giấy chứng nhận QSD đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho cụ Trần Thị N2 là của cụ Lê Quang T5 và cụ Trần Thị Nghiê n .

Cụ Lê Quang T5 và cụ Trần Thị Nghiê n S1 được 06 người con gồm: ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6 (chết năm 2013), ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Ông Lê Quang T6 sinh được 03 người con gồm Lê Quang T1, Lê Thị Thanh T3 và Lê Thị Hồng T4. Ngoài ra, hai cụ không có người con đẻ, con nuôi nào khác.

Cụ Lê Quang T5 chết năm 1997 nên hàng thừa kế của cụ Lê Quang T5 gồm cụ Trần Thị N2, ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6, ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Đến thời điểm chia thừa kế thì ông T6 đã chết, nên phần di sản thừa kế ông T6 được hưởng của cụ T5 sẽ chia cho hàng thừa kế thứ nhất của ông T6 gồm bà Nguyễn Thị C (vợ ông T6 kết hôn năm 2011) và

03 người con của người vợ trước đã ly hôn là anh Lê Quang T1 (sinh năm 1988), chị Lê Thị Thanh T3 và chị Lê Thị Hồng T4.

Cụ Trần Thị N2 chết năm 2017 nên hàng thừa kế của cụ N2 gồm ông Lê Quang B, ông Lê Quang T6, ông Lê Quang T1, ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2 và bà Lê Thị L. Do ông T6 chết trước cụ N2, nên 03 người con của ông T6 là anh Lê Quang T1 (sinh năm 1988), chị Lê Thị Thanh T3 và chị Lê Thị Hồng T4 là người thừa kế thế vị của ông T6 sẽ nhận phần di sản thừa kế của ông T6 được hưởng.

[2.3] Xét nội dung kháng cáo của ông Lê Quang B: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Lê Quang T1 và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan yêu cầu chia thành 06 phần cho 06 thừa kế của cụ T5 và cụ N2, ông T1 và yêu cầu nhận hiện vật; ông Lê Quang B không đồng ý chia thừa kế và mong muốn để lại làm nhà thờ.

Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị C (là một trong những người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông Lê Quang T6) cùng 03 người con (là người thừa kế thế vị của ông Lê Quang T6) tự nguyện nhường phần di sản mà họ được hưởng cho ông Lê Quang T1. Ngoài ra, do thửa đất tái định cư không đủ điều kiện tách thửa để chia bằng hiện vật; đối với ông Lê Quang B đã có chỗ ở ổn định ở nơi khác và hiện nay đã mang bàn thờ hai cụ về nhà thờ cúng. Mặt khác, từ khi cụ Trần Thị N2 chết năm 2017 đến nay thì các đồng thừa kế cũng không thống nhất được với nhau về việc thờ cúng hai cụ như thế nào, nhà ai thì nhà ai đó tự thờ hai cụ, nên nguyện vọng của ông Lê Quang B mong muốn được chia bằng đất để làm nhà thờ thì cũng không thiết thực, không thể tập trung được anh em trong gia đình, việc xây nhà thờ và thờ cúng hai cụ phải được sự đoàn kết, thống nhất của tất cả anh em trong gia đình; mặt khác ông B chỉ được hưởng một kỷ phần di sản của cụ T5 và cụ N2 chết để lại. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào giá trị di sản, hiện trạng thực tế và xác định diện tích đất này không phải là đất hương hỏa mà là đất tái định cư để phân chia di sản của cụ Lê Quang T5 và cụ Trần Thị N2 cho các thừa kế như phần quyết định của bản án là phù hợp với thực tế, quy định của pháp luật. Nên kháng cáo của ông Lê Quang B đề nghị cấp phúc thẩm giao toàn bộ diện tích đất là di sản thừa kế cho ông quản lý và sử dụng và ông có trách nhiệm giao tiền lại cho các thừa kế của bố mẹ ông là cụ T5 và cụ N2 là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lê Quang B, giữ nguyên bản

án sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc những người được hưởng kỷ phần thừa kế thì phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy các đồng thừa kế khác gồm ông Lê Quang N, bà Lê Thị T2, bà Lê Thị L và bà Nguyễn Thị C cùng 03 người con là người thừa kế thế vị của ông Lê Quang T6 đề nghị nhận bằng hiện vật, phần của họ được hưởng tự nguyện nhường lại cho ông Lê Quang T1 và không yêu cầu ông Lê Quang T1 thanh toán lại giá trị kỷ phần mình được hưởng. Do các đồng thừa kế và thừa kế thế vị nêu trên đã nhường kỷ phần mà họ được chia cho ông T1, nên họ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là đúng quy định của pháp luật, nên không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của ông B không được chấp nhận, nhưng ông B thuộc trường hợp người cao tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí cho ông B là có căn cứ.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang B, giữ bản án sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 649, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 168, điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang T1:

- Giao cho ông Lê Quang T1 (sinh năm 1963) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 150m² đất ở tại Lô S- A2 mặt bằng khu tái định cư xã H tại xã N; địa

chỉ: Khu T, thuộc khu K tại xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã N, tỉnh Thanh Hóa) đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 301649 do UBND huyện T cấp ngày 17/8/2015 cho bà Trần Thị Nghiêñ .

Ông Lê Quang T1 có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Quang T1 phải thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Lê Quang B số tiền là 319.250.000 đồng (*ba trăm mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Về án phí phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Quang B.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Đương sự;;
- Lưu HSVA; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các Thẩm phán: Ông Đào Anh Đức

Ông Vũ Đại Long

Vào hồi 10 giờ 00 phút ngày 21 tháng 11 năm 2024, tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 87/2024/TLPT-DS ngày 08/10/2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang Thành, sinh năm 1963

Địa chỉ: thôn Trung Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Ông Lê Quang Biên, sinh năm 1960.

Địa chỉ: thôn Trung Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện theo ủy quyền của ông Biên: Bà Cao Thị Hạnh, sinh năm 1959

Địa chỉ: thôn Nam Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Theo Giấy ủy quyền ngày 12/11/2024).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lê Quang Năm, sinh năm 1973

- Bà Lê Thị Thư, sinh năm 1974

- Bà Lê Thị Lan, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: thôn Phước Tân, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Anh Lê Quang Thành, sinh năm 1988
- Chị Lê Thị Thanh Thảo, sinh năm 1991
- Chị Lê Thị Hồng Thúy, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: 2B Lương Thế Vinh, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Quang Năm, bà Lê Thị Thu, bà Lê Thị Lan, anh Lê Quang Thành (sinh năm 1988), chị Lê Thị Thanh Thảo và chị Lê Thị Hồng Thúy: Bà Lê Thị Hiền, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Trung Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Nguyễn Thị Châu, sinh năm 1968.

Địa chỉ: TDP Yên Cầu, phường Bình Minh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Trung Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Quang Biên.

HỘI ĐỒNG PHỨC THẨM THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quang Biên, giữ bản án sơ thẩm số: 08/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

2. Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 649, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 168, điểm a khoản 1 Điều 188 của Luật đất đai năm 2013; Điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang Thành:

- Giao cho ông Lê Quang Thành (sinh năm 1963) được quyền quản lý, sử dụng diện tích 150m² đất ở tại Lô số 07- A2 mặt bằng khu tái định cư xã Hải Yên tại xã Nguyên Bình; địa chỉ: Khu TĐC xã Hải Yên, thuộc khu kinh tế Nghi Sơn tại xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa (nay là thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa) đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 301649 do UBND huyện Tĩnh Gia cấp ngày 17/8/2015 cho bà Trần Thị Nghiênn .

Ông Lê Quang Thành có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký và điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ông Lê Quang Thành phải thanh toán lại giá trị kỷ phần thừa kế cho ông Lê Quang Biên số tiền là 319.250.000 đồng (*ba trăm mười chín triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

3. *Về án phí phúc thẩm*: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho ông Lê Quang Biên.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

4. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2024/DS-ST ngày 12/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Kết quả biểu quyết: Đồng ý 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút ngày 21/11/2024

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Anh Đức

Vũ Đại Long

Lê Ngọc Lâm

